TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, KHÓA HỌC 2024-2026
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

THI PHẦN A.VII: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH;

Ngày thi: 23/11/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cư M'gar.

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị Vân	Anh	03/3/1991	02		29	7,25	Bảy, hai năm
02	Phạm Thị Ngọc	Ánh	05/4/1977	02		40	7,75	Bảy, bảy năm
03	Nguyễn Thị Phương	Ánh	06/01/1985	03		48	8,0	Tám
04	H'Bon	Byă	05/5/1990	02		63	7,5	Bảy, năm
05	Nguyễn Thị Giang	Châu	17/6/1989	02		32	7,5	Bảy, năm
06	Cao Xuân	Cúc	18/08/1981	02		2	7,25	Bảy, hai năm
07	Trần Thị Kim	Cúc	20/10/1991	02		28	7,5	Bảy, năm
08	Nguyễn Văn	Dư	28/6/1986	02		35	7,25	Bảy, hai năm
09	Huỳnh Văn	Dự	28/11/1987	02		3	7,5	Bảy, năm
10	Nguyễn Trung	Dũng	28/02/1988	03		75	7,25	Bảy, hai năm
11	Phạm Đình	Dũng	23/4/1984	02		6	7,75	Bảy, bảy năm
12	Hồ Thị	Dương	05/5/1975	02		36	7,25	Bảy, hai năm
13	Huỳnh Thị Lệ	Duyên	28/12/1980	02		26	7,75	Bảy, bảy năm
14	H Bluer	Êban	23/3/1989	03		15	8,0	Tám
15	H Len	Êban	10/8/1988	02		70	7,5	Bảy, năm
16	Lê Thu	Hà	21/5/1985	03		62	8,0	Tám
17	Trần Thị	Hà	10/11/1981	*QĐ cho thôi học (QĐ số 348 - ngày 13/6/2024)*				
18	Nguyễn Ngọc	Hải	30/09/1981	02		79	7,25	Bảy, hai năm
19	Trương Thị Bích	Hạnh	04/04/1980	02		77	7,25	Bảy, hai năm
20	Hoàng Thị	Hồng	23/10/1989	03		61	7,75	Bảy, bảy năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Phạm Thị	Huệ	30/4/1985	03		57	7,75	Bảy, bảy năm
22	Phan Thị Mai	Hương	15/9/1981	03		54	7,75	Bảy, bảy năm
23	Nguyễn Xuân	Huyền	26/6/1975	03		51	8,5	Tám, năm
24	H Liễu	Hwing	14/4/1984	02		24	7,75	Bảy, bảy năm
25	H Phương Niê	Kđăm	17/9/1989	03		17	8,25	Tám, hai năm
26	Bùi Đăng	Khoa	20/8/1984	02		71	7,25	Bảy, hai năm
27	Trần Đình Đăng	Khoa	15/9/1986	02		67	7,0	Bảy
28	Y Sueng Buôn	Krông	10/4/1986	02		39	7,5	Bảy, năm
29	Đỗ Phú	Linh	05/9/1981	02		76	8,5	Tám, năm
30	Đinh Thị	Loan	01/12/1990	02		66	7,75	Bảy, bảy năm
31	Đặng Kiều	Loan	01/02/1989	02		43	7,75	Bảy, bảy năm
32	Nguyễn Tấn	Lợi	09/8/1985	02		64	7,0	Bảy
33	Võ Thị Thùy	Lựu	31/12/986	02		68	7,5	Bảy, năm
34	Phan Thị	Lý	20/3/1984	02		74	7,5	Bảy, năm
35	Nguyễn Thị	Mai	10/12/1985	03		14	8,0	Tám
36	Nguyễn Thị Thanh	Mai	19/12/1988	02		69	8,5	Tám, năm
37	Trần Thị Thanh	Mận	21/02/1983	03		45	8,0	Tám
38	H Bích	Mlô	05/8/1985	02		41	7,75	Bảy, bảy năm
39	Nguyễn Hải	Nam	01/10/1985	02		73	7,0	Bảy
40	Phạm Thị	Nga	10/6/1982	02		44	7,75	Bảy, bảy năm
41	Lê Ngọc	Nghĩa	14/8/1980	03		50	8,0	Tám
42	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20/02/1989	03		60	8,0	Tám
43	Vũ Thị	Nhung	05/8/1988	03		13	8,0	Tám
44	H'Lim	Niê	06/8/1990	02		78	8,5	Tám, năm
45	Y Blô	Niê	21/01/1988	02		65	7,25	Bảy, hai năm
46	Y Tênh	Niê	20/06/1986	02		37	7,25	Bảy, hai năm
47	H' Nary	Niê	10/5/1980	03		10	8,25	Tám, hai năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Phan Thị Bích	Phượng	29/01/1981	03		52	8,0	Tám
49	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	05/7/1987	03		16	8,25	Tám, hai năm
50	Lê Thế	Sơn	06/5/1985	02		4	7,5	Bảy, năm
51	Lê Thị Thu	Sương	20/4/1988	03		55	7,75	Bảy, bảy năm
52	Nguyễn Thị Thu	Sương	20/9/1981	02		30	7,25	Bảy, hai năm
53	Trần Văn	Tân	08/9/1983	03		53	8,0	Tám
54	Nguyễn Ngọc	Thạch	26/7/1977	02		20	7,5	Bảy, năm
55	Nguyễn Thị	Thanh	15/01/1984	02		23	7,5	Bảy, năm
56	Lê Hữu	Thành	06/3/1985	02		42	7,75	Bảy, bảy năm
57	Đinh Thị	Thảo	14/4/1990	03		58	8,0	Tám
58	Nguyễn Thị	Thảo	27/8/1987	03		56	8,0	Tám
59	Lê Tô Anh	Thi	13/9/1981	03		33	7,5	Bảy, năm
60	Ngô Thị	Thơm	28/12/1980	03		46	8,25	Tám, hai năm
61	Phạm Xuân	Thống	01/01/1984	02		31	7,25	Bảy, hai năm
62	Phan Thị	Thu	03/4/1988	02		22	7,25	Bảy, hai năm
63	Đậu Minh	Thuận	11/6/1989	03		18	8,0	Tám
64	Đỗ Thị Như	Thuận	27/4/1989	02		72	7,25	Bảy, hai năm
65	Trần Văn	Thương	24/5/1977	02		27	8,5	Tám, năm
66	Bùi Văn	Thưởng	24/9/1989	02		38	7,5	Bảy, năm
67	Lê Thị	Thúy	18/12/1990	02		19	7,5	Bảy, năm
68	Phạm Thu	Thủy	19/10/1988	02		25	7,75	Bảy, bảy năm
69	Nguyễn Thị	Tơ	14/10/1985	03		49	8,0	Tám
70	Cao Thị Minh	Trâm	23/05/1987	03		11	8,0	Tám
71	Đỗ Thị Thanh	Trang	02/11/1988	03		47	8,25	Tám, hai năm
72	Hoàng Thị Đài	Trang	05/7/1988	02		34	7,5	Bảy, năm
73	Võ Thị	Trang	05/8/1986	02		1	7,5	Bảy, năm
74	Võ Thị Thu	Trang	18/4/1987	02		7	7,75	Bảy, bảy năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
75	Nguyễn Trọng	Tuấn	24/8/1981	02	[signature]	5	7,5	Bảy năm
76	Hồ Ngọc	Việt	02/02/1973	03	[signature]	8	8,0	Tám
77	Phạm Văn	Vinh	20/10/1984	03	[signature]	59	8,0	Tám
78	Phan Thị	Xuân	01/11/1986	03	[signature]	12	7,75	Bảy bảy năm
79	Hoàng Thị	Yếm	08/12/1984	02	[signature]	21	7,75	Bảy bảy năm
80	Ninh Thị Hồng	Yến	21/10/1988	03	[signature]	9	8,0	Tám

Tổng số học viên theo danh sách:......80.......học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:..........01.......học viên (lý do........../........................)

Số học viên đủ điều kiện thi:.........79......học viên;

Số học viên vắng thi:../....học viên; trong đó: có lý do:/..... học viên; không có lý do:/....học viên;

Số bài thi hiện có.........79.......bài/..............tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

[signature] Lý Cẩm Tuyền

Ngày...13...tháng...12...năm 2024

CÁN BỘ COI THI 02

[signature] Nguyễn Thị Thắm

Ngày...10...tháng.12.....năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[signature] Phạm Văn Quảng

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[signature] Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

[signature] Đỗ Văn Biên

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

[signature] TS. Lê Duyên Hà

BAN GIÁM HIỆU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

[signature] Nguyễn Thành Dũng